TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 13 /2018/DS-ST
Ngày: 30/10 /2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khuất Thị Khuyên

2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký,Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung, Kiểm sát viên**.**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 28/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX- DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị Q, sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1974. Vắng mặt**;**

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Quách Thị Q trình bày:

Ngày 25 tháng 01 năm 2011 bà có cho bà Hoàng Thị A vay số tiền 50.000.000đ, lãi trả hàng tháng, gốc hẹn 6 tháng thì trả, bà A có viết giấy vay tiền. Sau đó bà A đã trả lãi cho bà Q đến tháng 7 năm 2011, gốc chưa trả. Từ tháng 8/2011 đến nay bà A chưa trả bà Q đồng nào. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu bà A trả

bà số tiền 50.000.000đ và lãi theo lãi suất của Ngân hàng kể từ tháng 8/2011 cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2018 bà Hoàng Thị A trình bày: Ngày 25/01/2011 bà có vay của bà A số tiền 50.000.000đ mục đích để cho người khác vay lại, không sử dụng vào việc gia đình.

Sau khi vay tiền của bà Q, bà đã trả lãi cho bà Q, khi vay tiền có ghi giấy, khi trả lãi thì bà Q không ghi số tiền bà đã trả vào giấy. Nay bà thừa nhận nợ bà Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và bà đồng ý thanh toán trả bà Q nhưng thời điểm hiện nay bà không có tiền để trả ngay vì người vay tiền của bà chưa trả.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân của bà Q; Bản sao sổ hộ khẩu; Giấy vay tiền:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà Quách Thị Q và bà Hoàng Thị A có quan hệ vay tài sản số tiền bà A thừa nhận nợ bà Q là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Bà Hoàng Thị A cư trú tại xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội nên bà Quách Thị Q khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện T giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hoàng Thị A đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Quách Thị Q và bà Hoàng Thị A đều thừa nhận: Hai bên có quan hệ vay nợ, việc vay tiền này có lập thành văn bản và theo giấy nhận nợ ngày 25/01/2011 do bà Q xuất trình có nội dung bà A có vay của bà Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, bà A cũng thừa nhận có nợ bà Q số tiền trên và nhận trách nhiệm thanh toán trả bà Q toàn bộ số tiền 50.000.000đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Theo nội dung giấy vay tiền thì đến ngày 25 tháng 7 năm 2011 bà A có trách nhiệm trả bà Q số tiền gốc, tuy nhiên đến nay bà A vẫn không trả, do vậy nay bà Q yêu cầu bà A trả lãi là có căn cứ. Lãi suất phát sinh do hai bên không có thỏa thuận nên áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự buộc bà A phải trả lãi theo lãi suất 10%/năm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ. Cụ thể như sau:

Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 30/10/2018: 50.000.000đ x 10%/năm x 5 năm 3 tháng 4 ngày = 26.305.500đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm linh năm nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Hoàng Thị A phải trả bà Quách Thị Q tổng số tiền là: 76.305.500đ; trong đó: 50.000.000đ tiền gốc, 26.305.500đ tiền lãi.

[6]- Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 3.815.000đ (Ba triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bà Quách Thị Q không phải chịu án phí nên hoàn trả bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội; Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Q đối với bà Hoàng Thị A.

2. Buộc bà Hoàng Thị A phải trả bà Quách Thị Q tổng số tiền là 76.305.500đ (bảy mươi sáu triệu ba trăm linh năm nghìn năm trăm); trong đó: tiền gốc 50.000.000đ, tiền lãi 26.305.500đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Quách Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hoàng Thị A chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự:

3.Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 3.815.000đ (Ba triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Quách Thị Q số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000986 ngày 13/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4.Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Quách Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy